Liberty Insurance



MA-HIF-BR-001-03-V

Bảo hiểm Sức khỏe gia đình

Chăm sóc & bảo vệ mọi thành viên trong gia đình tốt hơn nữa với gói Bảo hiểm Sức khỏe Gia đình của Liberty

FAMILYCARE
Bảo hiểm Sức khỏe Gia đình



Gia đình là trên hết

Gia đình là duy nhất trên cuộc đời mà không gì có thể thay thế được và cuộc sống này vốn tiềm ẩn nhiều nguy cơ và rủi ro mà mỗi chúng ta không thể nào lường trước. Gói bảo hiểm toàn diện chăm sóc sức khỏe gia đình FamilyCare chính là giải pháp tài chính tối ưu giúp bạn và gia đình không còn lo lắng về chi phí y tế, nhẹ gánh âu lo để chủ động an tâm vui sống mỗi ngày.

Quyền lợi bảo hiểm tiêu biểu

Bảo hiểm cho cả tai nạn và bệnh tật, bao gồm chi phí y tế điều trị các bệnh lý nghiêm trọng như tim mạch, tiểu đường, ung thư

Quyền lợi trợ cấp viện phí linh hoạt, số ngày nằm viện không giới hạn, kể cả giường cho người nhà

Các thành viên gia đình được chăm sóc tốt hơn với các quyền lợi kiểm tra sức khỏe định kỳ, tiêm vắc-xin, chăm sóc nha khoa, thị lực

Quyền lợi thai sản thiết thực cho gia đình

Tận hưởng dịch vụ y tế cao cấp, khám chữa bệnh tại Việt Nam và nước ngoài

CHƯƠNG TRÌNH ĐIỀU TRỊ NỘI TRÚ (Đơn vị tính: VNĐ)

CHI PHÍ NẰM VIỆN	Chương trình F1	Chương trình F2	Chương trình F3	Chương trình F4	Chương trình F5
Giới hạn trách nhiệm	**150.000.000**	**250.000.000**	**500.000.000**	**1.000.000.000**	**1.500.000.000**
Chi phí nằm viện					
Chi phí bác sĩ phẫu thuật, tối đa cho 1 năm hợp đồng	25.000.000	50.000.000	100.000.000	Toàn bộ	Toàn bộ
Chi phí bác sĩ gây mê, tối đa cho 1 năm hợp đồng	10.000.000	25.000.000	50.000.000	Toàn bộ	Toàn bộ
Tất cả các chi phí nằm viện khác, tối đa cho 1 năm hợp đồng	Toàn bộ	Toàn bộ	Toàn bộ	Toàn bộ	Toàn bộ
Tiền phòng và ăn uống, theo ngày (phòng riêng tiêu chuẩn)	1.000.000	2.000.000	3.000.000	4.000.000	5.000.000
Phòng săn sóc đặc biệt, theo ngày	3.000.000	6.000.000	9.000.000	12.000.000	15.000.000
Giường cho người nhà, theo ngày (cùng phòng với trẻ em dưới 18 tuổi, tối đa 10 ngày/năm hợp đồng)	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng	1.000.000	2.000.000
Điều trị ung thư *Điều trị nội trú hoặc điều trị trong ngày cho ung thư tại bệnh viện, tối đa cho một năm hợp đồng*	**50.000.000**	**125.000.000**	**250.000.000**	**500.000.000**	**Toàn bộ**
Điều trị trong ngày *Nhập viện nhưng không ở qua đêm tại bệnh viện, bao gồm phẫu thuật ngoại trú*	**Toàn bộ**	**Toàn bộ**	**Toàn bộ**	**Toàn bộ**	**Toàn bộ**
Dịch vụ xe cấp cứu *Dịch vụ vận chuyển cấp cứu đường bộ cần thiết đến và từ Bệnh viện tại địa phương*	**Toàn bộ**	**Toàn bộ**	**Toàn bộ**	**Toàn bộ**	**Toàn bộ**
Cấy ghép bộ phận *Đối với thận, tim, gan và tủy xương, tối đa cho từng bệnh lý hay thương tật*	**Không áp dụng**	**Không áp dụng**	**Không áp dụng**	**500.000.000**	**Toàn bộ**
Điều trị trước và sau khi nằm viện	**6.000.000**	**8.000.000**	**10.000.000**	**20.000.000**	**30.000.000**
(Chi phí ngoại trú phát sinh ngay trước khi nhập viện và ngay sau khi xuất viện, tối đa cho mỗi lần nằm viện)					
Điều trị trước khi nằm viện - tối đa cho một năm hợp đồng, tối đa 30 ngày liên tục ngay trước khi nhập viện	3.000.000	4.000.000	5.000.000	10.000.000	15.000.000
Điều trị sau khi xuất viện, tối đa cho một năm hợp đồng (tối đa 90 ngày liên tục ngay sau khi xuất viện)	3.000.000	4.000.000	5.000.000	10.000.000	15.000.000
Điều trị tại khoa cấp cứu *Các dịch vụ được thực hiện tại khoa cấp cứu hoặc phòng cấp cứu của Bệnh viện trong thời gian không quá 24 giờ*	**5.000.000**	**10.000.000**	**15.000.000**	**Toàn bộ**	**Toàn bộ**
Y tá chăm sóc tại nhà *Tối đa 182 ngày cho một năm Hợp đồng*	**6.000.000**	**8.000.000**	**10.000.000**	**Toàn bộ**	**Toàn bộ**
Điều trị nha khoa khẩn cấp *Ngay sau khi tai nạn xảy ra với điều kiện răng chữa trị phải trong tình trạng tốt và là răng thật. Tối đa cho một năm hợp đồng*	**Không áp dụng**	**Không áp dụng**	**Không áp dụng**	**50.000.000**	**100.000.000**
Trợ cấp viện công - theo ngày *Áp dụng với các điều trị nội trú tại bệnh viện công tại Việt Nam Tối đa 30 ngày cho một năm hợp đồng*	**100.000**	**200.000**	**300.000**	**500.000**	**1.000.000**
Vận chuyển y tế cấp cứu/Hồi hương	**Không áp dụng**	**Không áp dụng**	**Không áp dụng**	**Toàn bộ**	**Toàn bộ**
Vận chuyển thi hài về quê quán	**Không áp dụng**	**Không áp dụng**	**Không áp dụng**	**Toàn bộ**	**Toàn bộ**
Trợ cấp mai táng	**500.000**	**1.000.000**	**2.000.000**	**3.000.000**	**5.000.000**
Thông tin và hỗ trợ về y tế/pháp luật	**24/7**	**24/7**	**24/7**	**24/7**	**24/7**

BẢO HIỂM BỔ SUNG TÙY CHỌN (Đơn vị tính: VNĐ)

CHI PHÍ Y TẾ	Chương trình O1	Chương trình O2	Chương trình O3	Chương trình O4	Chương trình O5
1. Điều trị ngoại trú					
Giới hạn trách nhiệm	10.000.000	15.000.000	20.000.000	35.000.000	100.000.000
Điều trị ngoại trú tổng quát	Toàn bộ	Toàn bộ	Toàn bộ	Toàn bộ	Toàn bộ
Điều trị ngoại trú chuyên khoa *(Giới hạn mỗi lần khám)*	1.000.000	2.000.000	3.000.000	Toàn bộ	Toàn bộ
Xét nghiệm và chụp X quang *(theo chỉ định bác sĩ)*	1.000.000	2.000.000	3.000.000	Toàn bộ	Toàn bộ
Thuốc theo đơn kê *(theo chỉ định bác sĩ)*	Toàn bộ	Toàn bộ	Toàn bộ	Toàn bộ	Toàn bộ
Chữa trị Đông y, nắn xương & châm cứu đông y *(Tối đa cho mỗi lần điều trị, tối đa 10 lần điều trị trong năm hợp đồng)*	250.000	350.000	450.000	750.000	1.250.000
Vật lý trị liệu và nắn khớp xương (theo chỉ định bác sĩ) *(Tối đa cho mỗi lần điều trị, tối đa 15 lần điều trị trong năm hợp đồng)*	250.000	350.000	450.000	750.000	1.250.000
Kiểm tra sức khỏe định kỳ/ khám sức khỏe cho việc cấp giấy phép lao động *(Tối đa cho một năm hợp đồng)*	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng	1.000.000	2.000.000
Tiêm vắc xin *(Tối đa cho một năm hợp đồng)*	500.000	500.000	500.000	1.250.000	1.250.000
Chăm sóc thị lực: *Kiểm tra thị lực (một lần trong năm, tối đa cho một năm hợp đồng) và 1 đôi kính hoặc 1 đôi kính áp tròng (cho một năm hợp đồng)*	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng	1.000.000	2.000.000

2. Chăm Sóc Nha Khoa *(được áp dụng khi mua cùng Chương trình Điều trị Ngoại trú bao gồm 20% đồng chi trả)*	
Giới hạn trách nhiệm	10.000.000
Kiểm tra răng định kỳ *(bao gồm cạo vôi & đánh bóng, một lần trong năm, tối đa cho một năm hợp đồng)*	2.000.000
Quyền lợi nha khoa cơ bản *(Nhổ răng, trám amalgam, chụp X quang, lấy cao răng)*	Toàn bộ
Quyền lợi nha khoa chủ yếu *(Nhổ răng mọc bất thường, lấy tủy, cắt u răng, cắt cuống răng)*	Toàn bộ
3. Thai Sản *(được áp dụng khi mua cùng Chương trình Nội trú)*	
Giới hạn trách nhiệm	50.000.000
Chi phí trước và sau khi sinh, chi phi sinh em bé, chi phí điều trị do hư thai, phá thai vì lý do y tế, hoặc bất kỳ biến chứng nào phát sinh từ việc mang thai, bao gồm chi phí chăm sóc trẻ sơ sinh 30 ngày. Thời gian chờ cho Thai sản là 12 tháng (*) và giới hạn hạn mức như sau:	Toàn bộ
Giới hạn tối đa trong năm Hợp đồng bảo hiểm đầu tiên kể từ ngày hiệu lực đầu tiên của quyền lợi Thai sản	0
Giới hạn tối đa trong năm Hợp đồng bảo hiểm thứ hai kể từ ngày hiệu lực đầu tiên của quyền lợi Thai sản	25.000.000
Giới hạn tối đa từ năm Hợp đồng bảo hiểm thứ ba kể từ ngày hiệu lực đầu tiên của quyền lợi Thai sản	50.000.000

(*) Thời gian chờ cho Thai sản là 12 tháng liên tục kể từ ngày có hiệu lực đầu tiên của quyền lợi Thai sản của Người được bảo hiểm. Trong mọi trường hợp, Thời điểm bắt đầu mang thai của Người được bảo hiểm theo xác nhận của bác sĩ phải sau mười hai (12) tháng liên tục kể từ ngày có hiệu lực đầu tiên của quyền lợi Thai sản của Người được bảo hiểm.

BẢNG PHÍ BẢO HIỂM (Đơn vị tính: 1.000 VNĐ)

Vùng 0										
	Điều trị nội trú					Bảo hiểm bổ sung tùy chọn				
Nhóm tuổi	C/T F1 Bronze	C/T F2 Silver	C/T F3 Gold	C/T F4 Platinum	C/T F5 Diamond	Ngoại trú O1	Ngoại trú O2	Ngoại trú O3	Ngoại trú O4	Ngoại trú O5
15 ngày đến 1 tuổi	2.043	3.268	5.106	6.638	8.936	4.437	5.119	6.826	8.988	11.919
02 - 05 tuổi	1.634	2.614	4.085	5.311	7.149	3.549	4.095	5.461	7.500	10.036
06 - 17 tuổi	1.389	2.222	3.472	4.514	6.077	2.916	3.364	4.485	6.437	8.690
18 - 24 tuổi	1.307	2.092	3.268	4.249	5.719	2.408	2.779	3.705	5.586	7.613
25 - 29 tuổi	1.471	2.353	3.677	4.780	6.434	2.535	2.925	3.900	5.799	7.883
30 - 34 tuổi	1.634	2.614	4.085	5.311	7.149	2.535	2.925	3.900	5.799	7.883
35 - 39 tuổi	1.804	2.887	4.510	5.863	7.893	2.799	3.230	4.306	6.242	8.443
40 - 44 tuổi	1.992	3.187	4.980	6.474	8.714	3.090	3.566	4.755	6.730	9.061
45 - 49 tuổi	2.199	3.519	5.498	7.147	9.622	3.412	3.937	5.249	7.269	9.744
50 - 54 tuổi	2.428	3.885	6.070	7.891	10.623	3.767	4.347	5.796	7.865	10.498
55 - 59 tuổi	2.681	4.289	6.702	8.713	11.729	4.159	4.799	6.399	8.523	11.331
60 - 64 tuổi	2.960	4.736	7.400	9.619	12.949	4.592	5.299	7.065	9.249	12.250
65 - 69 tuổi	3.268	5.229	8.170	10.621	14.297	5.070	5.850	7.800	10.050	13.265
70 - 74 tuổi	3.608	5.773	9.020	11.726	15.785	5.598	6.459	8.612	10.935	14.385

Chăm Sóc Nha Khoa *(được áp dụng khi mua cùng Chương trình Điều trị Ngoại trú)*	**Vùng 0**
Phí bảo hiểm	3.518

Thai Sản *(được áp dụng khi mua cùng Chương trình Điều trị Nội trú)*: Cho mỗi người được bảo hiểm là nữ

Nhóm tuổi	Vùng 0	Nhóm tuổi	Vùng 0
18 - 24 tuổi	5.364	35 - 39 tuổi	5.364
25 - 29 tuổi	5.364	40 - 44 tuổi	5.364
30 - 34 tuổi	5.364		

Vùng 0: Việt Nam
Vùng 5: Việt Nam, Thái Lan, Malaysia, Indonesia, Philippines, Lào, Campuchia, Myanmar, Brunei, Timor-Leste (Tăng 15% trên tổng phí vùng 0)

Điều kiện tham gia bảo hiểm

	Chương trình F1 & F2		Chương trình F3, F4 & F5	
Người được bảo hiểm	Cá nhân	Gia đình	Cá nhân	Gia đình
Độ tuổi tham gia bảo hiểm	Khách hàng mới: 18 - 49 tuổi. Khách hàng tái tục: tối đa đến 74 tuổi.	Khách hàng mới: từ 15 ngày tuổi đến 49 tuổi. Khách hàng tái tục: tối đa đến 74 tuổi.	Khách hàng mới: 18 - 64 tuổi. Khách hàng tái tục: tối đa đến 74 tuổi.	Khách hàng mới: từ 15 ngày tuổi đến 64 tuổi. Khách hàng tái tục: tối đa đến 74 tuổi.

Gia đình bao gồm vợ và/hoặc chồng và con (đến dưới 18 tuổi hoặc đến dưới 23 tuổi nếu đang là sinh viên học toàn thời gian)

Chính sách giảm phí bảo hiểm

	Số người được bảo hiểm	Tỷ lệ giảm phí
Giảm phí cho gia đình	Từ 3 thành viên được bảo hiểm trở lên	**5%**

Về Tập đoàn Bảo hiểm Liberty Mutual

#87
Xếp hạng bởi Fortune
Dựa trên doanh thu 2023

#8
Công ty bảo hiểm tài sản & thương vong lớn thứ 8 toàn cầu
Dựa trên tổng phí bảo hiểm 2023

45.000 +
Nhân viên trên toàn thế giới

A
Năng lực tài chính vững mạnh
Xếp hạng
'A' (Xuất sắc) bởi A.M. Best Co.
'A2' (Tốt) bởi Moody's
'A' (Mạnh) bởi Standard & Poor's

Về Công ty TNHH Bảo Hiểm Liberty

Công ty TNHH Bảo hiểm Liberty (gọi tắt là "Liberty", hoặc "Liberty Việt Nam", hoặc "Bảo hiểm Liberty") là thành viên của Tập đoàn Lberty Mutual. Tại Việt Nam, Bảo hiểm Liberty đã tạo được một vị thế hoàn toàn khác biệt trong thị trường bảo hiểm phi nhân thọ bằng việc áp dụng công nghệ hiện đại, giúp khách hàng mua bảo hiểm trực tuyến một cách dễ dàng, an toàn và quy trình bồi thường nhanh chóng và hiệu quả.

Mỗi sản phẩm bảo hiểm của Liberty là kết tinh của quá trình nghiên cứu kỹ lưỡng và được thiết kế phù hợp với tất cả người Việt Nam. Liberty luôn được thị trường đánh giá cao về chất lượng dịch vụ, là nơi khách hàng tìm tới đầu tiên cho những giải pháp bảo hiểm thực tế bảo vệ trước mọi rủi ro, an tâm tận hưởng cuộc sống.

Yên tâm nắm bắt hiện tại
Vững tin theo đuổi tương lai

Bảo hiểm Liberty Việt Nam, tự hào trong danh sách các công ty bảo hiểm phi nhân thọ hàng đầu, là một trong những nhà bảo hiểm nước ngoài có mặt tại Việt Nam sớm nhất vào năm 2003 với những giải thưởng uy tín:

- Doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài duy nhất đạt được thành tích Top 10 Công ty Bảo hiểm Phi nhân thọ uy tín nhất Việt Nam trong 3 năm liên tiếp 2018, 2019, 2020, xếp hạng bởi Vietnam Report
- Công ty Bảo hiểm Phi nhân thọ đạt 4 giải thưởng Dịch vụ Tài chính tiêu biểu trong 3 năm liên tiếp (2021 - 2023): Công ty Bảo hiểm Phi nhân thọ được khách hàng hài lòng về trải nghiệm số nhất (2021); Sản phẩm Dịch vụ Sáng tạo tiêu biểu - Sản phẩm Bảo hiểm Ô tô (2021); Sản phẩm & Dịch vụ Sáng tạo tiêu biểu (2022 - 2023)
- Công ty Bảo hiểm Phi nhân thọ đầu tiên và duy nhất tại Việt Nam được vinh danh trong 3 năm liên tiếp (2022 – 2024) tại Giải thưởng Bảo hiểm châu Á với 5 giải: Công ty Bảo hiểm Phi nhân thọ Quốc tế của năm – Việt Nam (2022 – 2024) và Sáng kiến của năm dành cho sản phẩm Bảo hiểm Ô tô – Việt Nam (2022 – 2023)

Mạng lưới Liberty Việt Nam

Trụ sở chính

Tầng 18, Tòa nhà Vincom
45A Lý Tự Trọng, Quận 1
TP Hồ Chí Minh
ĐT: (84-28) 38 125 125
Fax: (84-28) 38 125 018

Chi nhánh Hà Nội

Tầng 10, Tháp Đông
Tòa nhà Lotte Hà Nội
54 Đường Liễu Giai, Quận Ba Đình
TP. Hà Nội
ĐT: (84-24) 37 55 7 111
Fax: (84-24) 37 557 066

Chi nhánh, văn phòng giao dịch khác

Chi nhánh Hải Phòng
Tầng 3, Tòa nhà Seabank
Số 17, Khu B1, Lô 7B, Đường Lê Hồng Phong
Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng
ĐT: (84-225) 3 999 366 225
Fax: (84-225) 3 999 368 225

Văn phòng giao dịch Nghệ An
Tầng 3, Tòa nhà Nhà Việt, số 8 Đại lộ V.I Lê Nin
TP Vinh, Tỉnh Nghệ An
ĐT: (84-28) 38 125 125

Văn phòng giao dịch Đà Nẵng
Tầng 2, Tòa nhà SAVICO
66 Võ Văn Tần, Quận Thanh Khê, TP. Đà Nẵng
ĐT: (84-236) 3 749 999; (84-236) 3 749 998;
(84-236) 3 749 997
Fax: (84-236) 3 749 996

Văn phòng giao dịch Cần Thơ
C36, Đường số 1
KĐT Mới Hưng Phú, Quận Cái Răng, TP. Cần Thơ
ĐT: (84-28) 38 125 125

Văn phòng giao dịch Biên Hòa
101 Vũ Hồng Phô, Khu phố 2, P. Bình Đa,
TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
ĐT: (84-28) 38 125 125

Văn phòng giao dịch Bình Dương
Tầng 1, Minh Sáng Plaza, 888 Đại lộ Bình Dương
Phường Thuận Giao, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương
ĐT: (84-28) 38 125 125

MA-HIF-BR-001-03-V

Dịch vụ Khách hàng 24/7 (miễn cước)

1800 599 998 - Miễn cước 24/7
Hotline@libertyinsurance.com.vn
www.libertyinsurance.com.vn